

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

---

## MỤC LỤC

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20 tháng 9 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD3 Investment and Construction Joint Stock Company.  
Tên viết tắt: HUD3., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 25 tháng 04 năm 2019 là: 99.999.440.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) với mã chứng khoán: HU3.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đăng Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đinh Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Lê Ngọc Vinh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)
Ông Bùi Huy Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 22/4/2021)

##### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thùy Dung	Thành viên
Bà Trần Thị Minh	Thành viên (Bầu ngày 22/4/2021)
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2021)

##### Ban Giám đốc

Ông Đinh Hoàng Tùng	Giám đốc
Ông Bùi Huy Thông	Phó Giám đốc
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc
Ông Võ Duy Hiền	Phó Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đình Hoàng Tùng**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Số: 106/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3, được lập ngày 10/3/2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 nêu ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đánh giá và xác định được khả năng thu hồi giá trị chi phí xây dựng dở dang của Công trình Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ - Xi nghiệp cơ khí Quang Trung. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm 2021, vấn đề này vẫn chưa được Công ty đánh giá và xử lý. Với tài liệu hiện có chúng tôi chưa xác định được giá trị doanh thu còn được Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán và chi phí giá vốn còn phải ghi nhận. Do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá về khả năng thu hồi đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2021 là: 24.737.248.665 đồng (tại ngày 01/01/2021 là: 24.737.248.665 đồng), cũng như xác định được dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) và ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo Thông báo kết luận số 507/TB-KTNN ngày 22/11/2021 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1026-2019-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>310.649.378.502</b>	<b>224.145.753.414</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>13.535.956.805</b>	<b>3.804.131.012</b>
1. Tiền	111		13.535.956.805	3.804.131.012
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.607.903.031</b>	<b>101.078.760.344</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	109.428.685.538	72.802.562.828
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	46.622.991.884	1.769.826.735
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	5.894.421.000	5.894.421.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	27.618.139.991	29.568.285.163
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(8.956.335.382)	(8.956.335.382)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>115.549.647.592</b>	<b>118.004.691.876</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	115.549.647.592	118.004.691.876
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>955.871.074</b>	<b>1.258.170.182</b>
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	955.871.074	1.258.170.182
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>36.057.514.166</b>	<b>38.689.065.658</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.701.877.214</b>	<b>25.175.301.569</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	22.701.877.214	25.175.301.569
Nguyên giá	222		42.510.601.955	42.168.601.955
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.808.724.741)	(16.993.300.386)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.9</b>	<b>10.274.198.103</b>	<b>10.580.793.139</b>
Nguyên giá	231		12.263.801.418	12.263.801.418
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.989.603.315)	(1.683.008.279)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>974.650.816</b>	<b>696.616.816</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	974.650.816	696.616.816
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>1.312.279.856</b>	<b>1.312.279.856</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.610.000.000	2.610.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.297.720.144)	(1.297.720.144)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>794.508.177</b>	<b>924.074.278</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	794.508.177	924.074.278
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>346.706.892.668</b>	<b>262.834.819.072</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>198.210.717.441</b>	<b>111.662.583.759</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>198.210.717.441</b>	<b>111.662.583.759</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.092.229.004	5.810.289.364
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	27.489.840.595	26.692.249.577
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.147.792.486	49.050.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	17.767.007.802	6.948.846.141
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	74.773.127.692	49.892.517.388
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	66.429.728.598	19.083.139.165
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.510.991.264	3.186.491.264
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>148.496.175.227</b>	<b>151.172.235.313</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>148.496.175.227</b>	<b>151.172.235.313</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.999.440.000	99.999.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.999.440.000	99.999.440.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.973.903.553	26.973.903.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.522.831.674	24.198.891.760
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.861.908.560	22.324.610.674
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		660.923.114	1.874.281.086
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>346.706.892.668</b>	<b>262.834.819.072</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng



Lại Huy Mạnh

Giám đốc



Đình Hoàng Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	155.322.862.795	120.055.259.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		50.363.034	1.129.381.116
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>155.272.499.761</b>	<b>118.925.878.683</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	140.099.035.059	101.255.833.778
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>15.173.464.702</b>	<b>17.670.044.905</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	613.069.373	693.197.048
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.413.486.346	4.303.556.005
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.413.486.346</i>	<i>4.303.556.005</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.174.617.962	1.923.259.901
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.733.037.130	12.182.829.565
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>465.392.637</b>	<b>(46.403.518)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	574.761.804	2.653.459.001
12. Chi phí khác	32	6.7	16.174.593	104.493.524
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>6.7</b>	<b>558.587.211</b>	<b>2.548.965.477</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.023.979.848</b>	<b>2.502.561.959</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	363.056.734	628.280.873
17. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>660.923.114</b>	<b>1.874.281.086</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	66	154

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng

Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Đình Hoàng Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.023.979.848	2.502.561.959
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	3.122.019.391	2.449.088.179
- Các khoản dự phòng	03	1.000.000.000	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(613.069.373)	(693.197.048)
- Chi phí lãi vay	06	1.413.486.346	4.303.556.005
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.946.416.212</b>	<b>8.562.009.095</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(79.226.843.579)	46.051.988.616
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.455.044.284	38.066.233.661
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	35.177.004.315	(51.152.200.239)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	129.566.101	703.605.362
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.413.486.346)	(4.303.556.005)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(26.232.814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(675.500.000)	(2.746.411.279)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(37.607.799.013)</b>	<b>35.155.436.397</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & TSDH khác	21	(620.034.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	613.069.373	693.197.048
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.964.627)</b>	<b>693.197.048</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	98.779.498.817	56.660.657.339
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(51.432.909.384)	(126.383.795.707)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(983.321.841)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>47.346.589.433</b>	<b>(70.706.460.209)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.731.825.793</b>	<b>(34.857.826.764)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.804.131.012</b>	<b>38.661.957.776</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5.1</b>	<b>13.535.956.805</b>	<b>3.804.131.012</b>

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng



Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Đình Hoàng Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20 tháng 09 năm 2004. Đăng ký thay đổi lần 14 ngày 25 tháng 4 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 là 99.999.440.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: HU3.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021: 82 người (Tại 31/12/2020: 86 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội.
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình.
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, do đó thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản cho vay:** Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các Đội xây dựng là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác; không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bất động sản**

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:** Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	125.776.846	369.450.100
Tiền gửi ngân hàng không năm hạn (VND)	13.410.179.959	3.434.680.912
<b>Tổng</b>	<b>13.535.956.805</b>	<b>3.804.131.012</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	9.743.696.012	11.243.696.012
Công ty Cổ phần Tasco	3.044.781.928	5.770.030.799
Công ty PT Nhà Phong Phú - Deawon- Thủ Đức	373.772.097	373.772.097
Công ty TNHH Vintep Hà Nội (i)	9.919.373.271	9.919.373.271
Công ty TNHH MSC Việt Nam	26.247.024.000	8.260.286.000
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	19.074.806.812	18.172.786.674
Công ty CP Đầu tư PT Đô thị Kiến Hưng	-	3.700.297.800
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư	11.284.823.725	-
Các khách hàng khác	29.740.407.693	15.362.320.175
<b>Tổng</b>	<b>109.428.685.538</b>	<b>72.802.562.828</b>
<i>Trong đó phải thu bên liên quan</i>		
<i>Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>19.074.806.812</i>	<i>18.172.786.674</i>

(i): Khoản nợ đang chờ quyết toán của công trình Vintep.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.6 Dự phòng phải thu khó đòi**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	9.710.543.995	754.208.613	9.710.543.995	754.208.613

Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long				409.454.071
Đỗ Huy Sâm				5.047.396.103
Công ty xây dựng CTGT 873				1.644.452.208
Ngân hàng NN và PTNT Từ Liêm				1.855.033.000
<b>Tổng</b>				<b>8.956.335.382</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115.549.647.592	-	118.004.691.876	-
<b>Tổng</b>	<b>115.549.647.592</b>	<b>-</b>	<b>118.004.691.876</b>	<b>-</b>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang một số công trình:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án Khu đô thị Kiến Hưng, Quận Hà Đông	-	2.360.841.980
Công trình 23 Duy Tân	-	12.591.220.553
Dự án 60 Nguyễn Đức Cảnh	21.849.264.148	16.736.700.587
Dự án Mai Trai - Sơn Tây	3.942.972.855	26.760.821.262
Nhà máy chế tạo Thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung (i)	24.737.248.665	24.737.248.665
Dự án liên kết LK22-LK24	25.138.921.279	-
Thi công xây trát dự án Champarama Resort	4.203.817.406	-
Công trình khác	35.677.423.239	34.817.858.829
<b>Tổng</b>	<b>115.549.647.592</b>	<b>118.004.691.876</b>

(i): Công trình Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ của Xí nghiệp tư doanh cơ khí Quang Trung (Chủ đầu tư) được thi công xong từ năm 2010 nhưng vẫn chưa được Chủ đầu tư nghiệm thu, quyết toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2021	22.997.125.117	10.996.836.773	7.824.752.758	349.887.307	42.168.601.955
Mua trong năm	-	144.000.000	-	198.000.000	342.000.000
Số dư ngày 31/12/2021	22.997.125.117	11.140.836.773	7.824.752.758	547.887.307	42.510.601.955
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư ngày 01/01/2021	5.177.742.594	4.726.611.633	6.810.072.743	278.873.416	16.993.300.386
Khấu hao trong năm	1.069.528.470	980.696.885	748.882.871	16.316.129	2.815.424.355
Số dư ngày 31/12/2021	6.247.271.064	5.707.308.518	7.558.955.614	295.189.545	19.808.724.741
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	17.819.382.523	6.270.225.140	1.014.680.015	71.013.891	25.175.301.569
Tại ngày 31/12/2021	16.749.854.053	5.433.528.255	265.797.144	252.697.762	22.701.877.214

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 5.752.722.065 đồng (tại ngày 01/01/2021: 4.559.085.702 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 27.289.849.300 đồng (tại ngày 01/01/2021: 16.182.146.399 đồng).

**5.9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	12.263.801.418	-	-	12.263.801.418
- HUD3 Tower	12.263.801.418	-	-	12.263.801.418
Giá trị hao mòn lũy kế	1.683.008.279	306.595.036	-	1.989.603.315
- HUD3 Tower	1.683.008.279	306.595.036	-	1.989.603.315
Giá trị còn lại	10.580.793.139	-	-	10.274.198.103
- HUD3 Tower	10.580.793.139	-	-	10.274.198.103

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định và kế toán giá trị hợp lý bất động sản đầu tư, do đó Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án T1-T11, CT18 Việt Hưng (*)	696.616.816	696.616.816	696.616.816	696.616.816
Sửa chữa, nâng cấp tài sản	278.034.000	278.034.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>974.650.816</b>	<b>974.650.816</b>	<b>696.616.816</b>	<b>696.616.816</b>

(\*) Công ty đang chờ Cục quản lý công sản Bộ Tài chính tiếp nhận diện tích Ki - ốt tầng 1 CT18 Khu đô thị Việt Hưng.

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam	2.610.000.000	(1.297.720.144)	(*)	2.610.000.000	(1.297.720.144)	(*)
<b>Tổng</b>	<b>2.610.000.000</b>	<b>(1.297.720.144)</b>		<b>2.610.000.000</b>	<b>(1.297.720.144)</b>	

Vốn Điều lệ Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam: 70.922.460.000 VND tương đương với 7.092.246 cổ phần (mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 hiện đang nắm giữ: 214.200 cổ phần, tương đương 3% vốn Điều lệ. Theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ - ĐHCĐ ngày 30/03/2018, Đại hội cổ đông HUD3 thông qua chủ trương thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Nikko Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án thoái vốn. Đến thời điểm 30/6/2021, Công ty chưa tìm được đối tác phù hợp để chuyển nhượng nên khoản đầu tư này đang được phân loại là dài hạn.

(\*): Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư, do cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ	794.508.177	924.074.278
<b>Tổng</b>	<b>794.508.177</b>	<b>924.074.278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP XL và PT nhà HUD 3.2 Nguyễn Trung Hùng	1.431.028.681	1.431.028.681	1.431.028.681	1.431.028.681
Công ty CP XL và PT nhà HUD 3.3	1.966.904.409	1.966.904.409	1.966.904.409	1.966.904.409
Công ty DV và QL đô thị HUD 3S	959.252.605	959.252.605	1.259.252.605	1.259.252.605
Các đối tượng khác	439.772.580	439.772.580	408.418.177	408.418.177
Tổng	2.295.270.729	2.295.270.729	744.685.492	744.685.492
<b>Tổng</b>	<b>7.092.229.004</b>	<b>7.092.229.004</b>	<b>5.810.289.364</b>	<b>5.810.289.364</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị	2.142.295.213	8.661.118.604
Xí nghiệp cơ khí Quang Trung (*)	7.548.948.182	7.548.948.182
Công ty CP Tập đoàn Danko	4.000.000.000	4.000.000.000
Khách hàng thanh toán theo tiến độ dự án BĐS	-	6.400.182.791
Công ty CP XD và PT cơ sở hạ tầng số 9 Hà Nội	13.476.200.000	-
Người mua trả tiền trước khác	322.397.200	82.000.000
<b>Tổng</b>	<b>27.489.840.595</b>	<b>26.692.249.577</b>

*Trong đó phải trả bên liên quan (Chi tiết tại 7.1)* *2.142.295.213*      *8.661.118.604*

\*) Khoản ứng trước cho Hợp đồng thi công dự án Nhà máy chế tạo thiết bị nâng hạ - Xí nghiệp cơ khí Quang Trung.

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	48.222.271	6.352.372.337	4.252.802.122	-	2.147.792.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.258.170.182	-	363.056.734	-	895.113.448	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	828.589	64.121.995	125.708.210	60.757.626	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.258.170.182</b>	<b>49.050.860</b>	<b>6.782.551.066</b>	<b>4.381.510.332</b>	<b>955.871.074</b>	<b>2.147.792.486</b>

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí kinh doanh bất động sản, hoạt động xây lắp	17.767.007.802	6.948.846.141
<b>Tổng</b>	<b>17.767.007.802</b>	<b>6.948.846.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.17 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.474.800	27.007.867
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.000.017.472	4.590.008.568
Các khoản phải trả khác	71.743.635.420	45.275.500.953
- Phải trả các Đội thi công tiền công trình	52.438.091.953	29.215.784.734
- Phí bảo trì dự án HUD Tower, Hanel-HUD3	12.034.776.771	12.435.861.771
- Tiền lãi thực hiện dự án 123 Tô Hiệu, Hà Đông	2.423.454.729	2.923.454.729
- Phải trả lãi tiền vay	3.991.886.807	249.039.027
- Các khoản khác	855.425.160	451.360.692
<b>Tổng</b>	<b><u>74.773.127.692</u></b>	<b><u>49.892.517.388</u></b>
<b>Phải trả khác với bên liên quan</b> <b>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</b>	<b>674.045.452</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

Vay ngắn hạn	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (1)	13.233.139.165	13.233.139.165	62.024.498.817	45.732.909.384	29.524.728.598	29.524.728.598
Vay tổ chức, cá nhân khác (2)	5.850.000.000	5.850.000.000	36.755.000.000	5.700.000.000	36.905.000.000	36.905.000.000
<b>Tổng</b>	<b>19.083.139.165</b>	<b>19.083.139.165</b>	<b>98.779.498.817</b>	<b>51.432.909.384</b>	<b>66.429.728.598</b>	<b>66.429.728.598</b>
<i>Trong đó: vay của các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>			<i>5.955.000.000</i>	<i>5.955.000.000</i>

(1): Hợp đồng tín dụng số 01/2021/177867/HDTD ngày 23/8/2021, hạn mức: 150 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết ngày 31/12/2021, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phát hành. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Các khoản vay tổ chức, cá nhân khác với lãi suất 13,5%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn cho dự án HUD - Sơn Tây giai đoạn 2, khoản cho vay có thời hạn từ 09 tháng đến 12 tháng, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	99.999.440.000	26.973.903.553	32.994.960.274	159.968.303.827
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.874.281.086	1.874.281.086
Trích lập các quỹ	-	-	1.670.400.000	1.670.400.000
Chia cổ tức	-	-	8.999.949.600	8.999.949.600
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>99.999.440.000</b>	<b>26.973.903.553</b>	<b>24.198.891.760</b>	<b>151.172.235.313</b>
Số dư 01/01/2021	99.999.440.000	26.973.903.553	24.198.891.760	151.172.235.313
Lãi trong năm nay	-	-	660.923.114	660.923.114
Trích lập các quỹ (*)	-	-	337.000.000	337.000.000
Chia cổ tức (*)	-	-	2.999.983.200	2.999.983.200
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>99.999.440.000</b>	<b>26.973.903.553</b>	<b>21.522.831.674</b>	<b>148.496.175.227</b>

(\*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021:

- Cổ tức (tương ứng 3% vốn điều lệ): 2.999.983.200 đồng.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 337.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	51.000.000.000	51.000.000.000
Cổ đông khác	48.999.440.000	48.999.440.000
<b>Tổng</b>	<b>99.999.440.000</b>	<b>99.999.440.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp tại ngày đầu năm	99.999.440.000	99.999.440.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp tại ngày cuối năm	99.999.440.000	99.999.440.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>2.999.983.200</b>	<b>8.999.949.600</b>

Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020, theo đó mức chi trả cổ tức là 2.999.984.200 đồng (tương ứng với 3% Vốn điều lệ). Đến 31/12/2021 Công ty chưa chi trả hết cổ tức của năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.944	9.999.944
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.999.944	9.999.944
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	113.336.687.527	60.107.033.554
Doanh thu kinh doanh bất động sản	39.796.816.829	57.800.370.629
Doanh thu dịch vụ khác	2.189.358.439	2.147.855.616
<b>Tổng</b>	<b><u>155.322.862.795</u></b>	<b><u>120.055.259.799</u></b>
<i>Giảm trừ doanh thu hoạt động xây lắp (*)</i>	<i>50.363.034</i>	<i>1.129.381.116</i>
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	113.286.324.493	58.977.652.438
Doanh thu kinh doanh bất động sản	39.796.816.829	57.800.370.629
Doanh thu dịch vụ khác	2.189.358.439	2.147.855.616
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b><u>155.272.499.761</u></b>	<b><u>118.925.878.683</u></b>
<i>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>7.476.242.865</i>	<i>(1.129.381.116)</i>

(\*) Giảm trừ doanh thu xây lắp năm 2021: Công ty điều chỉnh giảm giá trị quyết toán các công trình thi công cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo số liệu kiểm toán giá trị quyết toán hoàn thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	107.378.369.184	56.408.570.519
Giá vốn kinh doanh bất động sản	32.470.858.502	44.847.263.259
Giá vốn dịch vụ	249.807.373	-
<b>Tổng</b>	<b>140.099.035.059</b>	<b>101.255.833.778</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	613.069.373	693.197.048
<b>Tổng</b>	<b>613.069.373</b>	<b>693.197.048</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi vay	1.413.486.346	4.303.556.005
<b>Tổng</b>	<b>1.413.486.346</b>	<b>4.303.556.005</b>
<i>Trong đó chi phí lãi vay phát sinh với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>674.045.452</i>	<i>-</i>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	434.258.543
Chi phí khác	1.174.617.962	1.489.001.358
<b>Tổng</b>	<b>1.174.617.962</b>	<b>1.923.259.901</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.829.543.416	6.390.922.463
Chi phí vật liệu quản lý	288.544.231	310.996.305
Chi phí khấu hao	2.802.660.479	2.268.434.852
Thuế, phí, lệ phí	21.791.311	134.185.630
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.227.329	313.637.193
Chi phí khác bằng tiền	1.400.270.364	2.764.653.122
<b>Tổng</b>	<b>12.733.037.130</b>	<b>12.182.829.565</b>

**6.7 Lợi nhuận khác**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>574.761.804</b>	<b>2.653.459.001</b>
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	79.759.500
Thanh lý CCDC, phế liệu	535.814.618	115.798.182
Thu nhập khác	38.947.186	2.457.901.319
<b>Chi phí khác</b>	<b>16.174.593</b>	<b>104.493.524</b>
Các khoản chậm nộp	4.067.388	48.403.778
Chi phí khác	12.107.205	56.089.746
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>558.587.211</b>	<b>2.548.965.477</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.023.979.848</b>	<b>2.502.561.959</b>
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	454.621.587	365.493.528
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.478.601.435</b>	<b>2.868.055.487</b>
- Hoạt động xây lắp	(1.114.660.954)	(1.619.665.016)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	2.593.262.389	4.487.720.503
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>518.652.478</b>	<b>897.544.101</b>
Giảm 30% thuế phải nộp (i)	(155.595.744)	(269.263.230)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>363.056.734</b>	<b>628.280.873</b>

(i) Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	660.923.114	1.874.281.086
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	337.000.000
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)</b>	660.923.114	1.537.281.086
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.999.944	9.999.944
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	66	154

(\*): Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 22/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020 và điều chỉnh lại lợi nhuận theo Thông báo kết luận số 507/TB-KTNN ngày 22/11/2021 của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, theo đó chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Năm 2020 sẽ thay đổi lại như sau:

	Đã trình bày Năm 2020 VND	Trình bày lại Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	1.433.119.071	1.874.281.086
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	143.311.907	337.000.000
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)</b>	1.289.807.164	1.537.281.086
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.999.944	9.999.944
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	129	154

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	55.464.449.630	29.126.610.708
Chi phí nhân công	65.943.816.941	33.249.923.034
Chi phí sử dụng máy thi công	2.558.190.462	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.804.576.608	2.449.088.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.821.489.682	8.061.681.344
Chi phí khác bằng tiền	2.574.888.326	8.846.903.078
<b>Tổng</b>	<b>136.167.411.649</b>	<b>81.734.206.343</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Quyền biểu quyết</b>
TCT Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD	Công ty Mẹ	51%
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Vợ của Chủ tịch HĐQT	0%
Bà Vương Thị Xuyên	Chị gái Chủ tịch HĐQT	0%
Bà Phạm Thị Hồi	Mẹ đẻ Giám đốc	0%
Bà Nguyễn Thu Trang	Em dâu Giám đốc	0%
Bà Đào Thị Nhỡ	Mẹ đẻ Chủ tịch HĐQT	0%
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Chị dâu Chủ tịch HĐQT	0%
HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban TGD	Nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt	Theo Điều lệ tổ chức hoạt động

**Giao dịch với nhân sự quản trị, điều hành chủ chốt****Phụ cấp của Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Ông Vương Đăng Phương	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đinh Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Ngọc Vinh	Thành viên HĐQT	-	28.500.000
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Ông Trịnh Duy Hoàn	Thành viên HĐQT	-	15.000.000
Ông Bùi Huy Thông	Thành viên HĐQT	36.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên HĐQT	36.000.000	21.000.000
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	25.431.818	-
<b>Tổng</b>		<b>217.431.818</b>	<b>220.500.000</b>

**Phụ cấp của Ban Kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Tạ Duy Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	-	8.400.000
Bà Trần Thị Minh	Thành viên Ban kiểm soát	5.822.727	-
Bà Trần Thị Thùy Dung	Thành viên Ban kiểm soát	8.400.000	4.900.000
Ông Nghiêm Chí Minh	Thành viên Ban kiểm soát	-	3.500.000
<b>Tổng</b>		<b>38.222.727</b>	<b>40.800.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Tiền lương và thu nhập khác của Ban Giám đốc, Người công bố thông tin*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Vương Đăng Phương	Chủ tịch HĐQT	189.608.000	213.725.000
Ông Đinh Hoàng Tùng	Giám đốc	178.408.000	202.761.000
Ông Lê Ngọc Vinh	Phó Giám đốc	-	148.357.000
Ông Bùi Huy Thông	Phó Giám đốc	-	185.927.926
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Giám đốc	171.208.000	-
Ông Võ Duy Hiền	Phó Giám đốc	158.005.000	-
Bà Ngô Hương Giang	Người công bố thông tin	44.387.954	-
<b>Tổng</b>		<b>741.616.954</b>	<b>750.770.926</b>

**Giao dịch với bên liên quan**

Giao dịch với Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ vụ</b>		<b>44.913.084.000</b>	<b>1.883.794.730</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí chuẩn bị thực hiện dự án	-	1.883.794.730
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền dự án	44.913.084.000	-
<b>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>7.425.879.831</b>	<b>(1.129.381.116)</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Giảm trừ doanh thu xây lắp	(50.363.034)	(1.129.381.116)
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí xây dựng, thực hiện dự án, công trình	7.476.242.865	-
<b>HUD3 trả nợ vay</b>			
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Trả nợ vay	3.000.000.000	-
<b>HUD3 nhận tiền vay</b>		<b>5.955.000.000</b>	
Bà Vương Thị Xuyên	Đi vay	1.240.000.000	-
Bà Phạm Thị Hồi	Đi vay	1.700.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Đi vay	500.000.000	-
Bà Đào Thị Nhỡ	Đi vay	515.000.000	-
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Đi vay	2.000.000.000	-
<b>Lãi vay phát sinh</b>		<b>674.045.452</b>	
Bà Vương Thị Xuyên	Lãi vay	140.585.211	-
Bà Phạm Thị Hồi	Lãi vay	198.992.008	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Lãi vay	58.322.675	-
Bà Đào Thị Nhỡ	Lãi vay	58.388.213	-
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Lãi vay	217.757.345	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan**

<b>Nội dung</b>	<b>Nội dung giao dịch</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>1. Phải thu khách hàng</b>		<b>19.074.806.812</b>	<b>18.172.786.674</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Chi phí xây dựng, thực hiện dự án	19.074.806.812	18.172.786.674
<b>2. Trả trước cho người bán</b>		<b>44.913.084.000</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền dự án	44.913.084.000	-
<b>3. Người mua trả tiền trước</b>		<b>2.142.295.213</b>	<b>8.661.118.604</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	Trả trước tiền thi công xây dựng	2.142.295.213	8.661.118.604
<b>4. Vay ngắn hạn</b>		<b>5.955.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Kim Quế	Đi vay	-	3.000.000.000
Bà Vương Thị Xuyên	Đi vay	1.240.000.000	-
Bà Phạm Thị Hồi	Đi vay	1.700.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Đi vay	500.000.000	-
Bà Đào Thị Nhỡ	Đi vay	515.000.000	-
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Đi vay	2.000.000.000	-
<b>5. Phải trả ngắn hạn khác</b>		<b>674.045.452</b>	<b>-</b>
Bà Vương Thị Xuyên	Lãi vay	140.585.211	-
Bà Phạm Thị Hồi	Lãi vay	198.992.008	-
Bà Nguyễn Thu Trang	Lãi vay	58.322.675	-
Bà Đào Thị Nhỡ	Lãi vay	58.388.213	-
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Lãi vay	217.757.345	-

**7.2 Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận, phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xây lắp, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2021

*Đơn vị tính: VND*

Tài sản và Nợ tại 31/12/2021	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	-	-	-	22.701.877.214
Xây dựng cơ bản dở dang	974.650.816	-	-	974.650.816
Các khoản phải thu	124.433.961.497	52.630.528.634	6.522.714.970	183.587.205.101
Chi phí SX, KD dở dang	89.360.828.770	26.188.818.822	-	115.549.647.592
Tài sản không thể phân bổ				23.737.916.201
<b>Tổng tài sản</b>	<b>214.769.441.083</b>	<b>78.819.347.456</b>	<b>6.522.714.970</b>	<b>346.551.296.924</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	85.223.187.415	18.450.118.307	3.029.492.272	106.702.797.994
Phải trả tiền vay				66.429.728.598
Nợ phải trả không thể phân bổ				25.078.190.849
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>85.223.187.415</b>	<b>18.450.118.307</b>	<b>3.029.492.272</b>	<b>198.210.717.441</b>

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

*Đơn vị tính: VND*

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu theo lĩnh vực	113.286.324.493	39.796.816.829	2.189.358.439	155.272.499.761
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi (lỗ) gộp	5.907.955.309	7.325.958.327	1.939.551.066	15.173.464.702
Doanh thu hoạt động tài chính				613.069.373
Chi phí tài chính				(1.413.486.346)
Chi phí quản lý kinh doanh				(13.907.655.092)
Lợi nhuận khác				558.587.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(518.652.478)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>505.327.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2020**

*Đơn vị tính: VND*

Tài sản và Nợ tại 31/12/2020	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định				25.175.301.569
Xây dựng cơ bản dở dang	696.616.816	-	-	696.616.816
Các khoản phải thu	88.367.361.832	8.004.238.900	-	96.371.600.732
Chi phí SX, KD dở dang	72.368.296.443	43.497.521.849	-	115.865.818.292
Tài sản không thể phân bổ				24.725.481.663
<b>Tổng tài sản</b>	<b>161.432.275.091</b>	<b>51.501.760.749</b>	<b>-</b>	<b>262.834.819.072</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	32.484.506.221	22.626.649.206	-	55.111.155.427
Phải trả tiền vay	13.233.139.165	5.850.000.000	-	19.083.139.165
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	37.468.289.167
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>45.717.645.386</b>	<b>28.476.649.206</b>	<b>-</b>	<b>111.662.583.759</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**

*Đơn vị tính: VND*

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020	Hoạt động xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu theo lĩnh vực	58.977.652.438	57.800.370.629	2.147.855.616	118.925.878.683
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	2.569.081.919	12.203.757.836	2.147.855.616	16.920.695.371
Doanh thu hoạt động tài chính				693.197.048
Chi phí tài chính				(4.303.556.005)
Chi phí quản lý kinh doanh				(13.356.739.932)
Lợi nhuận khác				2.548.965.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(628.280.873)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế</b>				<b>1.874.281.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG HUD3**Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121 -123 Đường Tô Hiệu,  
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã thực hiện điều chỉnh số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Thông báo kết luận số 507/TB-KTNN ngày 22/11/2021 của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết số liệu được điều chỉnh và thay đổi như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	MS	Đã trình bày	Trình bày lại	Tăng/Giảm
		31/12/2020	01/01/2021	
		VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>		<b>154.577.794.751</b>	<b>155.018.956.766</b>	<b>441.162.015</b>
Hàng tồn kho	141	117.255.342.342	118.004.691.876	749.349.534
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.566.357.701	1.258.170.182	(308.187.519)
Tài sản cố định hữu hình	221	35.756.094.708	25.175.301.569	(10.580.793.139)
<i>Nguyên giá</i>	222	<i>54.432.403.373</i>	<i>42.168.601.955</i>	<i>(12.263.801.418)</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	<i>(18.676.308.665)</i>	<i>(16.993.300.386)</i>	<i>1.683.008.279</i>
Bất động sản đầu tư	230	-	10.580.793.139	10.580.793.139
<i>Nguyên giá</i>	231	-	<i>12.263.801.418</i>	<i>12.263.801.418</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232	-	<i>(1.683.008.279)</i>	<i>(1.683.008.279)</i>
<b>Nguồn vốn</b>		<b>1.433.119.071</b>	<b>1.874.281.086</b>	<b>441.162.015</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	1.433.119.071	1.874.281.086	441.162.015
Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	MS	Đã trình bày	Trình bày lại	Tăng/Giảm
		Năm 2020	Năm 2020	VND
Giá vốn hàng bán	11	103.134.564.428	102.385.214.894	(749.349.534)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.753.212.425	2.502.561.959	749.349.534
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	320.093.354	628.280.873	308.187.519
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.433.119.071	1.874.281.086	441.162.015
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	129	187	58
Chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	MS	Đã trình bày	Trình bày lại	Tăng/Giảm
		Năm 2020	Năm 2020	VND
Lợi nhuận trước thuế	01	1.753.212.425	2.502.561.959	749.349.534
Tăng giảm hàng tồn kho	10	38.815.583.195	38.066.233.661	(749.349.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	35.904.785.931	35.155.436.397	(749.349.534)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(34.108.477.230)	(34.857.826.764)	(749.349.534)

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Hiền

Kế toán trưởng

Lại Huy Mạnh

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Đinh Hoàng Tùng